TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03 /2020/HS-PT
Ngày: 17-02-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Thư.

Các Thẩm phán: Ông Trần Tỷ và ông Vũ Văn Thuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Đại diện VKSND tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Lam, Kiểm sát viên.

Trong ngày 17/02/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 47/2019/TLPT-HS ngày 02 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo A Th, do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HS-ST ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Glei.

- Bị cáo bị kháng nghị:

A Th, sinh ngày 20/02/1987 tại tỉnh Kon Tum; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Dẻ; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A S (đã chết) và bà Y P, sinh năm 1941; có vợ là Y T, sinh năm 1983 và có 02 con, con lớn sinh năm 2015 và con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/01/2019 đến ngày 12/8/2019 được áp dụng biện pháp bảo lĩnh và cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/8/2019. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Đặng Thị Kim Ng là Trợ giúp viên pháp lý (theo Quyết định cử trợ giúp viên pháp lý số 44/QĐ-TGPL ngày 09/9/2019).

Nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kon Tum. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại xã Đ, thông qua một người đàn ông tên là T (không biết nơi cư trú) A Th quen bà M (không biết họ tên đầy đủ, nơi cư trú). Sáng ngày 27/01/2019, A Th nhận được điện thoại của bà M nói bị cáo đón xe T-L, xe chở khách 16 chỗ nhận 04 bao hàng, chở vào bãi vàng huyện P, tỉnh Quảng Nam trả tiền công 05 triệu đồng tại bãi vàng. Đến khoảng 11 giờ 00 phút cùng ngày, bị cáo nhận được điện thoại của Cao Ngọc M phụ xe khách BKS số 82B-003.79 nói bị cáo đến ngã ba Đ nhận hàng, bị cáo điều khiển xe môtô BKS 82N1-040.13 đến nơi hẹn nhận 04 bao tải màu xanh bên trong chứa hàng giống như Vôi bột. Bị cáo chở tất cả số hàng lên thôn Đ, xã Đ cất giấu 02 bao vào bụi cây rậm ven đường (vì đường lên dốc xe không chở được 04 bao), còn 02 bao chở vào rẫy cà phê của chị Y H (gần ngục Đ) cất giấu. Đến khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày bị cáo dùng xe môtô BKS số 82N1-004.13 đi ra thôn Đ chở nốt 02 bao hàng còn lại vào rẫy cà phê của chị H cất giấu. Bị cáo gọi điện thoại cho A H1, A T, A H2 đều cư trú cùng thôn Đ, xã Đ thuê vận chuyển số hàng trên đến bãi vàng huyện P, tỉnh Quảng Nam. Lúc 04 giờ 00 phút sáng ngày 28/01/2019 A H1, A T, A H2 và A Th đi trên 03 xe môtô, gần đến rẫy cà phê của chị Y H nơi cất giấu hàng, thì bị Công an xã Đ hỏi. A Th nói "Đi cõng hàng"; công an xã đến chỗ giấu hàng, kiểm tra, nghi hàng là chất độc nên bắt A Th và giữ hàng.

A G1, A B1, A B2, A G2, A G3, A H1, Y T, A T, A H2, A H3 khai nhận: trước đó có vận chuyển hàng cho A Th đến bãi vàng huyện P, tỉnh Quảng Nam nhưng nay không thu giữ được mẫu hàng nên không có cơ sở để điều tra, xử lý. Đối với người phụ nữ tên là (M) thuê A Th vận chuyển hàng cơ quan chức năng không tìm được nơi cư trú (có xác minh số điện thoại). Cao Ngọc M phụ xe khách BKS số 82B-003.79, không biết 04 bao hàng người phụ nữ thuê chở hàng là chất Natri Xyanua, không nhớ biển số xe thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển hàng cho xe Cao Ngọc M là phụ xe, chở hàng lên huyện Đ nên không đủ cơ sở để điều tra, xử lý. A H1, A T, A H2 mới chuẩn bị chưa chở hàng, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Bộ luật Hình sự, A H1, A T, A H2 không phạm tội chuẩn bị "Vận chuyển trái phép chất độc".

Tại bản kết luận giám định số 102/C90C (Đ4) ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Đà Nẵng kết luận: số hàng 98 kg trong 04 bao tải mà A Th vận chuyển, cất giấu để chuẩn bị vận chuyển vào bãi vàng huyện P, tỉnh Quảng Nam là chất Natri Xyanua (Công thức hóa học: NACN), là chất rất độc đối với người và gia súc; sau khi trừ khối lượng chất Natri Xyanua dùng để giám định, khối lượng Natri Xyanua còn lại là 97,9kg.

Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HS-ST ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Glei đã quyết định:

Căn cứ các Điều 24; 326 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo A Th phạm tội "Vận chuyển trái phép chất độc".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 311; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo A Th 18 (Mười tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng; giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum theo dõi, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Theo khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Nếu trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bán án đã cho hưởng án treo.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định pháp luật.

* Ngày 05/11/2019 Viện kiểm sát nhân tỉnh Kon Tum có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 125/QĐ-VKS-P7 kháng nghị một phần bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HS-ST ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Glei với nội dung:

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng không cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ "Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; tăng hình phạt tù và không cho bị cáo A Th hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum rút một phần kháng nghị về nội dung tăng hình phạt và giữ nguyên những nội dung kháng nghị khác. Viện kiểm sát đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng nghị không cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ "Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và không cho bị cáo hưởng án treo; áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự sửa án sơ thẩm.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Về tình tiết giảm nhẹ Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn được cấp sơ thẩm áp dụng là đúng bởi vì khi bị Công an phát hiện bị cáo khai và chỉ ngay nơi cất giấu và chưa gây thiệt hại. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ và hoàn cảnh của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của bị cáo: Xin HĐXX cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum trong thời hạn và đúng quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Viện kiểm sát nhân

dân tỉnh Kon Tum rút nội dung kháng nghị tăng hình phạt đối với bị cáo, việc rút một phần kháng nghị không trái Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự, nên HĐXX đình chỉ phần kháng nghị này.

[2] Về hành vi của bị cáo: Mặc dù, tại Luật hóa chất năm 2007, Văn bản hợp nhất Luật hóa chất và Luật số 28/2018 ngày 15/6/2018, Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất không quy định cụ thể về Natri Xyanua tuy nhiên theo Từ điển Tiếng Việt Natri Xyanua là một hợp chất hóa học. Tại mục 265 Bảng 1 Phụ lục IV Các hóa chất nguy hiểm phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và mục 197 Phụ lục V Danh mục hóa chất phải khai báo của Nghị định 113/2017 có liệt kê "các hợp chất Xyanua". Do đó, Natri Xyanua thuộc hóa chất độc, hóa chất nguy hiểm theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Văn bản hợp nhất Luật hóa chất và Luật số 28/2018 ngày 15/6/2018. Kết luận giám định số 102/C90C (Đ4) ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Đà Nẵng kết luận chất Natri Xyanua là chất độc là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì mục đích kiếm tiền bị cáo vận chuyển 98kg Natri Xyanua là vi phạm khoản 1 Điều 7, Điều 20 Văn bản hợp nhất Luật hóa chất và Luật số 28/2018 ngày 15/6/2018 trong việc vận chuyển hóa chất nguy hiểm. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở khẳng định bị cáo phạm tội Vận chuyển trái phép chất độc. Do chưa có văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền xác định số lượng vật phạm pháp nên hành vi của bị cáo bị truy tố, xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 311 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ "Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ, HĐXX thấy rằng:

Bị cáo chưa vận chuyển đến nơi như đã thỏa thuận là do bị cáo bị phát hiện chứ không phải do bị cáo tự dừng lại và hành vi của bị cáo đã thỏa mãn cấu thành tội phạm đó là hành vi vận chuyển trái phép chất độc, vi phạm trật tự quản lý của Nhà nước. Nếu bị cáo có thêm hành vi sử dụng thì sẽ cấu thành tội sử dụng trái phép chất độc. Vì vậy, cấp sơ thẩm cho rằng bị cáo chưa vận chuyển chất độc đến nơi như thỏa thuận, chưa có hành vi sử dụng để cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn là không có cơ sở.

Xem xét hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo vận chuyển khối lượng 98kg Natri Xyanua là một trong những hóa chất thuộc danh mục các hóa chất nguy hiểm phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và các hóa chất phải khai báo do có đặc tính nguy hiểm, độc hại đối với con người và môi trường, được Nhà nước quản lý rất chặt

chẽ. Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm, đặc biệt trước tình hình vận chuyển trái phép chất Natri Xyanua đến các khu vực khai thác vàng trái phép để sử dụng vào mục đích chiết vàng, do đó, cần phải có hình phạt tương xứng đủ sức răn đe bị cáo và phòng ngừa các đối tượng khác. Bị cáo bị truy tố, xét xử theo khoản 1 Điều 311 Bộ luật Hình sự với khung hình phạt từ 01 đến 05 năm, có 01 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng cấp sơ thẩm xét xử bị cáo 18 tháng tù cho hưởng án treo là chưa đảm bảo tính răn đe và giáo dục đối với bị cáo. Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo cung cấp đến Tòa án đơn xin xác nhận hoàn cảnh khó khăn ngày 10/01/2020 có xác nhận của chính quyền địa phương về việc bị cáo là lao động chính trong gia đình vì vợ hay đau ốm, nuôi mẹ già gần 80 tuổi và có 02 con nhỏ (con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017). Tuy nhiên, bị cáo không cung cấp được tài liệu chứng minh vợ bị cáo thường xuyên đau ốm phải điều trị. Mặt khác, bị cáo khai mẹ bị cáo có 07 người con, do đó trách nhiệm nuôi mẹ bị cáo là của tất cả các người con chứ không phải trách nhiệm của riêng bị cáo. Do đó, không có cơ sở để áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Xét thấy, sau khi nhận vận chuyển thuê số chất độc trên bị cáo lại tiếp tục thuê một số người khác vận chuyển với tiền công thấp hơn để hưởng lợi. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo quanh co chối tội, cho rằng không biết số hàng nhận vận chuyển là chất độc, sau khi công bố lời khai của bị cáo tại giai đoạn sơ thẩm thì bị cáo mới thừa nhận hành vi phạm tội, điều đó cho thấy bị cáo chưa thực sự ăn năn hối cải. Ngoài ra, bị cáo còn khai trước đó đã 03 lần vận chuyển thuê cho bà M, tuy nhiên không thu được tang vật nên không có cơ sở để xử lý. Xét thấy, bị cáo chỉ được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên không đủ điều kiện cho hưởng án treo.

Từ những phân tích trên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh KonTum kháng nghị là có căn cứ, cần chấp nhận nội dung kháng nghị và sửa bản án sơ thẩm về việc không cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ "Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và không cho bị cáo hưởng án treo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị HĐXX không xem xét. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm tại biên bản nghị án có thiếu sót không ghi cụ thể nội dung biểu quyết mà chỉ biểu quyết căn cứ vào ý kiến thảo luận là chưa đầy đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 342; điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Đình chỉ xét xử phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum về tăng hình phạt đối với bị cáo.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum về nội dung không cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ "Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và không cho bị cáo hưởng án treo.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HS-ST ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Glei, tỉnh KonTum.

Áp dụng khoản 1 Điều 311, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo A Th phạm tội "Vận chuyển trái phép chất độc".

Xử phạt bị cáo A Th 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/01/2019 đến ngày 12/8/2019.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan THA hình sự huyện Đăk Glei;
- TAND huyện Đăk Glei;
- VKSND huyện Đăk Glei;
- Công an huyện Đăk Glei;
- Chi Cục THADS huyện Đăk Glei;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đỗ Thị Kim Thư